

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG ANH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 352/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2021

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

*Hội thẩm nhân dân:* **1/ Ông Nguyễn Hữu Độ.**

**2/ Bà Hoàng Thị An.**

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thu Thảo.**

Cán bộ Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:***

**Bà Nguyễn Thùy Dung – Kiểm sát viên.**

Ngày 30/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 222/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2021. Giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** **Chị Hữu Thị Lan H** - Sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn DN, xã VH, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Kế toán. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn:** **Anh Nguyễn Tuấn A** - Sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú: Thôn XB, xã NS, huyện SS, Thành phố Hà Nội; Nơi ở: số nhà 334, dãy D19, tổ 11 thị trấn ĐA, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - Chị Hữu Thị Lan H trình bày:**

- Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/01/2016 tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ có chồng. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống cùng bố mẹ tại số nhà 334, dãy D19, tổ 11 thị trấn ĐA, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội. Gia đình anh Tuấn A về sinh sống tại thị trấn ĐA được

khoảng hơn 10 năm, ở SS chỉ là quê nội, không có nhà ở. Hai vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh Tuấn A còn chơi cờ bạc nên có nợ nần nhiều, từ đó dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, mỗi lần vợ chồng cãi nhau là anh Tuấn A lại bỏ nhà đi vài ngày rồi lại quay về, tình trạng này diễn ra thường xuyên, lặp đi lặp lại nhiều lần. Tháng 4/2018 anh Tuấn A có bỏ ra ngoài đi làm ăn, chỉ thỉnh thoảng về thăm nhà và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến tháng 4/2020 chị đã về nhà ngoại tại Thôn DN, xã VH, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội ở từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tuấn A.

Về con chung: Chị và anh Tuấn A không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Tuấn A không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị và anh Tuấn A không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **\* Bị đơn - Anh Nguyễn Tuấn A:**

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H và anh Tuấn A chung sống, Công an thị trấn ĐA cung cấp: Anh Nguyễn Tuấn A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn LX, xã NS, huyện SS, Thành phố Hà Nội, gia đình anh Tuấn A đã chuyển đến sinh sống tại số nhà 334, dãy D19, tổ 11 thị trấn ĐA, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội được một thời gian. Hiện tại, tại địa chỉ số nhà 334, dãy D19, tổ 11 thị trấn ĐA, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội có bố mẹ anh Tuấn A là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T sinh sống. Anh Tuấn A hiện không sinh sống tại địa chỉ trên khoảng 01 năm, chỉ thỉnh thoảng về thăm nhà. Anh Tuấn A đi đâu, làm gì thì Công an thị trấn ĐA không nắm được. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập anh Tuấn A đến Tòa án nhiều lần, anh Tuấn A không đến. Do đó không có lời khai của anh Tuấn A.

#### **Tại phiên tòa:**

+ Chị Hữu Thị Lan H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Chị H có đơn xin vắng mặt vì lý do công việc, do vậy không có lời trình bày của chị H tại phiên tòa.

+ Anh Nguyễn Tuấn A đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa anh Tuấn A vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên không có lời trình bày của anh Tuấn A.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về thẩm quyền thụ lý và quan hệ pháp luật giải quyết, về xác địnhh tư cách pháp lý đối với

các đương sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử, về việc tổng đạt các văn bản tố tụng, về việc tiến hành thu thập chứng cứ đều đúng theo qui định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã chấp hành tốt pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật, có tình chống đối, gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hữu Thị Lan H đối với anh Nguyễn Tuấn A.

Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí : Chị H phải chịu án phí không có giá ngạch.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

##### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Chị Hữu Thị Lan H và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2016 ngày 28/01/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị H có đơn xin ly hôn với anh Tuấn A, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

[1.2] Theo cung cấp của Công an thị trấn ĐA thì anh Nguyễn Tuấn A có Hộ khẩu thường trú tại Thôn XB, xã NS, huyện SS, Thành phố Hà Nội. Anh Tuấn A cùng gia đình đã chuyển đến tạm trú và sinh sống thường xuyên tại số nhà 334, dãy D19, tổ 11 thị trấn ĐA, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội từ nhiều năm nay. Hiện tại, anh Tuấn A không thường xuyên sinh sống tại địa chỉ trên khoảng 1 năm nay, chỉ thỉnh thoảng về thăm nhà, anh Tuấn A đi đâu làm gì, Công an thị trấn ĐA không nắm được, hiện nay tại địa chỉ trên có bố mẹ anh Tuấn A là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T thường xuyên sinh sống.

Theo cung cấp của Công an xã NS, huyện SS, Thành phố Hà Nội thì ông Nguyễn Văn S và vợ là bà Nguyễn Thị T có 02 con là Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thị Phương T có Hộ khẩu thường trú tại xã NS, huyện SS, Thành phố Hà Nội, đã chuyển về thị trấn ĐA sinh sống từ nhiều năm nay, hiện nay không còn ai sinh sống tại xã NS, huyện SS, Thành phố Hà Nội.

Anh Tuấn A thường vắng mặt tại địa phương nên không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Tuấn A được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng qui định của pháp luật. Tại phiên tòa anh Tuấn A vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy Hội đồng tiến hành xét xử vụ án là hoàn toàn đúng và phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chị Hữu Thị Lan H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa với lý do bận công việc. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã có đầy đủ lời khai, trình bày ý kiến, quan điểm và nguyện vọng của mình, cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Do vậy Hội đồng tiến hành xét xử vụ án là hoàn toàn đúng và phù hợp khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

## **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về tình cảm: Chị Hữu Thị Lan H và anh Nguyễn Tuấn A sau khi kết hôn sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do hai vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra anh Tuấn A thường xuyên bỏ nhà đi vài ngày rồi lại quay về, hiện nay không ai biết anh Tuấn A đang ở đâu. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Theo cung cấp của ông Nguyễn Văn S là bố đẻ anh Nguyễn Tuấn A thì anh Tuấn A và chị H tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới anh Tuấn A và chị H chung sống cùng gia đình ông bà tại số nhà 334, dãy D19, tổ 11 thị trấn ĐA, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không phù hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh Tuấn còn mãi chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nên hai vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên anh Tuấn A đã ra ngoài làm ăn, địa chỉ cụ thể ở đâu gia đình ông cũng không biết do anh Tuấn không nói. Gia đình ông vẫn liên lạc được với anh Tuấn A và anh Tuấn A thỉnh thoảng vẫn về thăm nhà. Hai vợ chồng anh chị hiện tại đã sống ly thân và chị H đã về nhà mẹ đẻ ở. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Mâu thuẫn của hai anh chị đã trầm trọng. Nay chị H xin ly hôn anh Tuấn A, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh chị chung sống thì chị H và anh Tuấn A tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ

chức cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng bố mẹ chồng là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T tại số nhà số nhà 334, dãy D19, tổ 11 thị trấn ĐA, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội. Anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không phù hợp nhau, thường bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn nên anh Tuấn A đã ra ngoài đi làm ăn và không thường xuyên sinh sống tại địa phương, chỉ thỉnh thoảng về thăm nhà. Tổ dân phố chưa hòa giải mâu thuẫn giữa anh chị lần nào. Nay chị H xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh Tuấn A là có thực, thời gian anh chị sống chung không nhiều, anh chị sống ly thân đã lâu, anh chị không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện quan hệ vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc chị H xin ly hôn anh Tuấn A là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Tuấn A không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3] Về án phí:** Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

**[4] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lý do trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hữu Thị Lan H.

Chị Hữu Thị Lan H được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

**2. Về con chung:** Xác nhận chị Hữu Thị Lan H và anh Nguyễn Tuấn A không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Hữu Thị Lan H không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

**4. Về án phí:** Chị Hữu Thị Lan H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2020/0045120 ngày 20/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Xác nhận chị Hữu Thị Lan H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

**5.** Chị Hữu Thị Lan H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Tuấn A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H. Đông Anh;
- THA H. Đông Anh;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND X.VH H. ĐA, TP.Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Phạm Thị Thu Huyền***